



Tạp chí

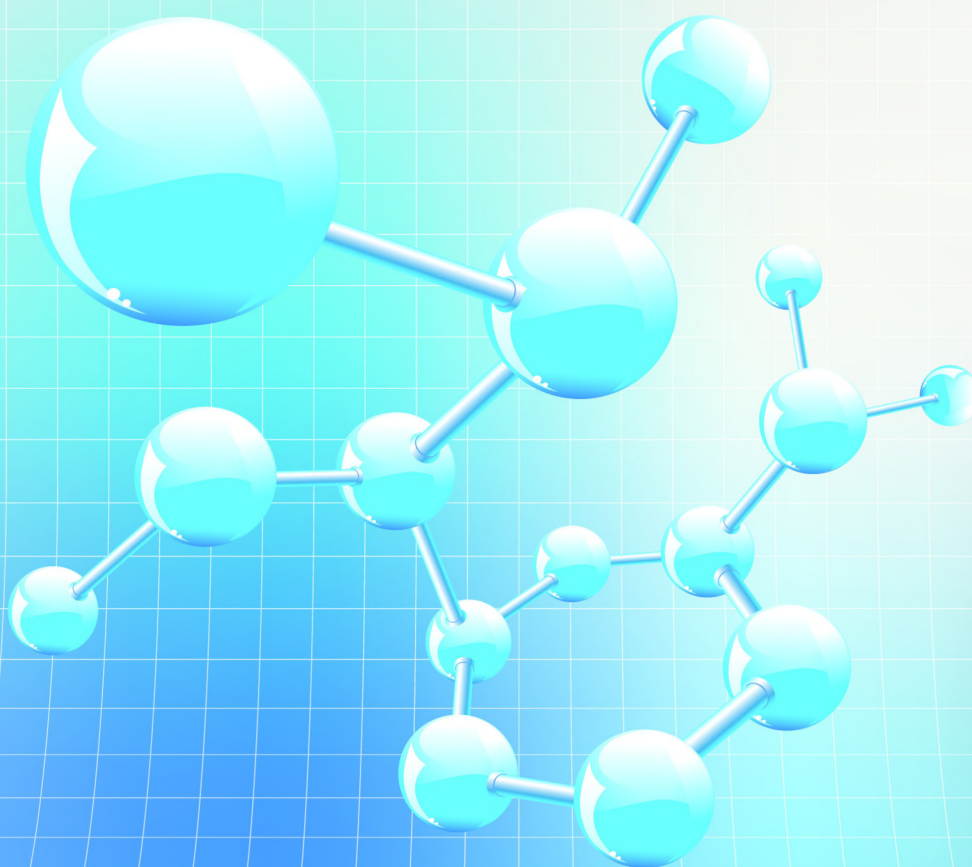
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



Số 2 (89)

2025

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đỉnh

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

■ **Thư ký Tòa soạn**

PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Nguyễn Đức Toàn

PGS.TS. Lê Thu Quý

GS.TS. Lê Anh Tuấn

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trương Thị Thủy

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

GS.TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

TS. Vũ Văn Đông - Trưởng ban

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Phó Trưởng ban

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Nguyen Duc Toan

Assoc.Prof.Dr. Le Thu Quy

Prof.Dr. Le Anh Tuan

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Prof.Dr. Nguyen Van Anh

■ **Editorial**

Dr. Vu Van Dong - Head

MSc. Doan Thi Thu Hang - Deputy Head

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/>Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- | | | |
|--|----|---|
| Dự báo tình trạng sức khỏe của pin lithium (SOH) dựa trên mô hình hình tự hồi quy phi tuyến tính có đầu vào ngoại sinh | 5 | Phạm Thành Long
Võ Duy Thành
Nguyễn Bảo Huy
Trần Hoài Linh |
| Mô hình trên máy tính bộ biến đổi hòa hợp tải DC-DC | 11 | Phạm Công Tảo
Phạm Thi Hoan |
| Thiết kế thiết bị đo thông số môi trường sử dụng mạch nhúng ARM và truyền thông LoRa để ứng dụng trong nông nghiệp | 19 | Trần Thị Phương Thảo
Đỗ Văn Đình |
| Nghiên cứu động lực học và trạng thái cơ học của sàng rung sử dụng phương pháp phần tử biên | 27 | Nguyễn Thị Phương Oanh
Nguyễn Thị Sim
Vũ Trí Võ |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- | | | |
|--|----|---|
| Nghiên cứu ảnh hưởng của vật liệu đến chất lượng bề mặt khi miết ép dao động | 34 | Nguyễn Văn Hình
Nguyễn Đức Hải
Đào Văn Kiên |
| Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ chày và góc nghiêng thành khuôn đến chất lượng sản phẩm trong quá trình dập đa điểm phôi tấm | 40 | Trần Hải Đăng
Nguyễn Hữu Chấn
Trần Văn Diện
Nguyễn Thị Thu |
| Nghiên cứu ảnh hưởng số đường may chần bông, khối lượng tấm bông và số lớp bông đến độ co áo jacket | 45 | Nguyễn Thị Hiền
Phạm Thị Kim Phúc
Đỗ Thị Làn
Nguyễn Văn Đoàn |
| Nghiên cứu ảnh hưởng của một số thông số công nghệ cơ bản đến độ co hình thù vi tính trên vải Pe/Co | 51 | Nguyễn Quang Thoại |

NGÀNH KINH TẾ

- | | | |
|--|----|---|
| Giải pháp Marketing nhằm phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương | 59 | Vũ Thị Hường
Nguyễn Thị Huế
Nguyễn Thị Thủy |
| Giải pháp truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường Đại học Sao Đỏ | 65 | Ngô Thị Luyện
Nguyễn Thị Ngọc Mai |

NGÀNH KINH TẾ

- Kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương: Thực trạng và giải pháp 71 Đinh Thị Kim Thiết
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với hoạt động du lịch lễ hội tỉnh Hải Dương 77 Nguyễn Thị Huệ

NGÀNH HÓA HỌC - THỰC PHẨM

- Nghiên cứu tính chất cấu trúc của các cluster $[Mo_6X_{14}]$ ($X = F, Cl, Br, I$) ở 22 EM và năng lượng ion hóa thứ 2 của các cluster $[Mo_6X_{14}]^{2-}$ bằng phương pháp phiếm hàm mật độ 82 Phạm Thị Diệp

NGÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC

- Sử dụng trích đoạn phim trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc của học sinh sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học 98 Phạm Thị Hồng Trang
- Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 94 Tăng Thị Hồng Minh
Trần Thị Mai Hương
Đặng Thị Thanh

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

- Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay 101 Nguyễn Thị Hiền
Trần Thị Hồng Nhung
Nguyễn Mạnh Tường
- Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực số cho giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số 107 Nguyễn Thị Nhan
- Vận dụng tư tưởng triết học trong Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 112 Đỗ Thị Thùy
Phạm Xuân Đức
Nguyễn Thị Hải Hà
- Giá trị thời đại của tác phẩm “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng Đảng hiện nay 118 Phạm Văn Dự
Vũ Hồng Phong

NGÀNH VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT - THỂ DỤC THỂ THAO

- Nghiên cứu, ứng dụng các bài tập bổ trợ nhằm nâng cao hiệu quả thi đấu cho đội bóng chuyền hơi nữ sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 124 Hà Đình Soát
Vũ Tiến Hiếu

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|---|----|---|
| Prediction of Lithium battery State of Health (SOH) based on a nonlinear autoregressive exogenous model | 5 | Pham Thanh Long
Vo Duy Thanh
Nguyen Bao Huy
Tran Hoai Linh |
| Computer model of the DC-DC matching converter | 11 | Pham Cong Tao
Pham Thi Hoan |
| Designing environment parameter measurement device for agricultural applications using embedded ARM and LoRa communication technology | 19 | Tran Thi Phuong Thao
Do Van Dinh |
| Dynamic and structural analysis of a vibrating sieve using the boundary element method | 27 | Nguyen Thi Phuong Oanh
Nguyen Thi Sim
Vu Tri Vo |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|---|----|---|
| Research on the influence of materials on surface quality in oscillating smoothing process | 34 | Nguyen Van Hinh
Nguyen Duc Hai
Dao Van Kien |
| Effect of punching speed and die wall bevel angle on product quality during incremental sheet forming process | 40 | Tran Hai Dang
Nguyen Huu Chan
Tran Van Dien
Nguyen Thi Thu |
| Research on the influence of number of quilted seams, quilted weight and number of quilted layers on jacket shrinkage | 45 | Nguyen Thi Hien
Pham Thi Kim Phuc
Do Thi Lan
Nguyen Van Doan |
| The influence of some embroidery technology factors on the shrinkage of PE/CO fabric when embroidering on computerized machines | 51 | Nguyen Quang Thoai |

TITLE FOR ECONOMICS

- | | | |
|--|----|---|
| Local Marketing solutions to develop rural tourism in Hai Duong province | 59 | Vu Thi Huong
Nguyen Thi Hue
Nguyen Thi Thuy |
| The communication solutions to enhance the effectiveness of enrollment work at Sao Do University | 65 | Ngo Thi Luyen
Nguyen Thi Ngoc Mai |

TITLE FOR ECONOMICS

- Environmental cost and social cost accounting at FDI enterprises in Hai Duong province: Current situation and solutions 71 Dinh Thi Kim Thiet
- Factors affecting the satisfaction of domestic tourists with the festival tourism activities in Hai Duong province 77 Nguyen Thi Hue

TITLE FOR CHEMISTRY - FOOD

- Study of the structural properties of clusters $[Mo_6X_{14}]$ ($X = F, Cl, Br, I$) at 22 EM and the second ionization energy of clusters $[Mo_6X_{14}]^{2-}$ by the density functional method 82 Pham Thi Diep

TITLE FOR EDUCATION SCIENCE

- Using movie clips to improve the Chinese speaking skills of students in higher education institutions 88 Pham Thi Hong Trang
- Research and application of active teaching methods in teaching basic English course for students at Sao Do University 94 Tang Thi Hong Minh
Tran Thi Mai Huong
Dang Thi Thanh

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- Educating traditional moral values of the nation for students at Sao Do University today 101 Nguyen Thi Hien
Tran Thi Hong Nhung
Nguyen Manh Tuong
- Proposing solutions to improve digital capacity for lecturers in the context of digital transformation 107 Nguyen Thi Nhan
- Research and apply philosophical ideas in Nguyen Du's The Tale of Kieu in teaching the Marxist-Leninist philosophy module for students at Sao Do University 112 Do Thi Thuy
Pham Xuan Duc
Nguyen Thi Hai Ha
- The contemporary value of the work "Improving revolutionary morality, wiping out individualism" by President Ho Chi Minh and its application by our Party in the current struggle against individualism and party building 118 Pham Van Du
Vu Hong Phong

TITLE FOR CULTURE - ALGORITHMS - SPORTS

- Research and application of supplementary exercises to enhance the performance of the female volleyball team of Sao Do University students 124 Ha Dinh Soat
Vu Tien Hieu

Sử dụng trích đoạn phim trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc của học sinh sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học

Using movie clips to improve the Chinese speaking skills of students in higher education institutions

Phạm Thị Hồng Trang

Tác giả liên hệ: phamhongtrang1990sp@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 02/02/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 11/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 02/6/2025

Tóm tắt

Học nói tiếng Trung Quốc thông qua trích đoạn phim đang trở thành một phương pháp hiệu quả và hấp dẫn đối với người học. Việc áp dụng phương pháp giảng dạy truyền thống trong thời gian dài có thể dẫn đến suy giảm mức độ tập trung và động lực học tập của người học, do hạn chế trong việc tạo ra môi trường tương tác ngôn ngữ thực tế. Do đó, nhiều cơ sở giáo dục đã tích hợp công nghệ thông tin vào thiết kế chương trình giảng dạy, trong đó việc sử dụng các trích đoạn phim đã được áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và cải thiện chất lượng đào tạo ngoại ngữ. Dựa trên kết quả của các nghiên cứu trước đây, tác giả đã lựa chọn và thu thập 20 video luyện kỹ năng nói, được trích xuất từ các bộ phim Trung Quốc. Nhằm đánh giá hiệu quả của phương pháp này, một thí nghiệm giảng dạy kéo dài 12 tuần với 120 sinh viên tại Trường Đại học Sao Đỏ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc sử dụng trích đoạn phim trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung Quốc có những tác động tích cực.

Từ khóa: Dạy học tiếng Trung Quốc; trích đoạn phim; kỹ năng nói; phát âm; phản xạ giao tiếp.

Abstract

Learning Chinese through movie clips is becoming an effective and engaging method for learners. The long-standing use of traditional teaching methods has led to a decline in students' attention and motivation, as there is no real interactive language environment. Therefore, many higher education institutions have integrated information technology into the curriculum design, and the use of movie clips has been applied to enhance teaching effectiveness and improve the quality of language training. Based on the results of previous studies, the author has selected and collected 20 speaking practice videos, extracted from Chinese films. To evaluate the effectiveness of this method, a 12-week teaching experiment was conducted with 120 students at Sao Do University. The research results indicate that the use of movie clips in teaching Chinese speaking skills has had the following positive impacts.

Keywords: Chinese language teaching; movie clips; speaking skills; pronunciation; communicative responsiveness.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Trung Quốc đang trở thành ngôn ngữ phổ biến tại Việt Nam trong bối cảnh giao lưu kinh tế - văn hóa giữa hai quốc gia ngày càng gia tăng. Trong giảng dạy ngôn ngữ, kỹ năng nói đóng vai trò hết sức quan trọng vì đây là kỹ năng nền tảng giúp người học giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp thực tế. Nhưng

hiện nay, việc giảng dạy tiếng Trung Quốc ở trong nước gặp phải vấn đề phổ biến là sinh viên nắm chắc kiến thức ngữ pháp nhưng khả năng giao tiếp khẩu ngữ yếu. Các phương pháp giảng dạy truyền thống chủ yếu dựa vào giáo trình và luyện tập đối thoại mẫu thiếu sự phong phú và tính thực tiễn. Để giải quyết các vấn đề này, giáo viên dạy ngôn ngữ cần không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy, sử dụng đa dạng các tài nguyên giảng dạy để nâng cao chất lượng toàn diện bốn kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết. Trong số các tài nguyên giảng dạy, tài nguyên phim ảnh trở thành nguồn tài nguyên nổi bật trong những năm gần đây và

Người phản biện: 1. TS. Đinh Văn Nhung
2. PGS.TS. Nguyễn Văn Khôi

đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc dạy và học tiếng Trung Quốc.

Tài nguyên phim ảnh thường được hiểu là các video, đoạn phim và các nội dung liên quan. Theo nghĩa rộng, tài nguyên phim ảnh không chỉ bao gồm phim truyền hình và điện ảnh mà còn bao gồm các chương trình giải trí, phim tài liệu, video TikTok và thậm chí có cả các video do giáo viên hoặc sinh viên tự xây dựng, những video tự xây dựng thường thu hút được sự hứng thú học tập của sinh viên.

Nhìn chung, tài nguyên phim ảnh là một phương tiện mới tích hợp thị giác, thính giác, ngôn ngữ và cảm giác. Nó chứa đựng âm thanh, hình ảnh, nhân vật, cốt truyện và hội thoại, nhằm mục đích tiếp nhận thông tin và tri thức, lan tỏa ngôn ngữ và văn hóa. Nếu nội dung trong giáo trình thường cố định, đơn điệu và thiếu tính thú vị, không có lợi cho việc học ngoại ngữ, đặc biệt là rèn luyện kỹ năng nói, thì các tác phẩm điện ảnh và truyền hình thường gần gũi với cuộc sống, có yếu tố cốt truyện và mang tính giải trí cao, giúp người học tiếp thu tự nhiên hơn. Đồng thời, tạo ra môi trường giao tiếp, giúp sinh viên hòa mình vào bối cảnh trích đoạn video, từ đó cải thiện và nâng cao kỹ năng giao tiếp.

Nhận thấy tác động tích cực của việc sử dụng trích đoạn phim trong phát triển kỹ năng nói của sinh viên trong việc học ngoại ngữ, tác giả lựa chọn đề tài “Sử dụng trích đoạn phim trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc của học sinh sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học” làm hướng nghiên cứu. Với đề tài này, nhóm nghiên cứu sẽ thu thập và phân tích dữ liệu từ các điều tra, khảo sát thực tế, đồng thời tham khảo các nghiên cứu có liên quan để xây dựng các sản phẩm giảng dạy có tính ứng dụng cao. Mục tiêu của nghiên cứu là thiết kế, triển khai các hoạt động học tập dựa trên trích đoạn phim nhằm cải thiện khả năng phát âm, diễn đạt tự nhiên và phản xạ giao tiếp của sinh viên, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Trung Quốc nói chung và kỹ năng nói tiếng Trung Quốc nói riêng.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1.1 Cơ sở lý luận

Phim ảnh, đặc biệt là các trích đoạn hội thoại, cung cấp một môi trường ngôn ngữ sống động và tự nhiên, giúp người học tiếp cận ngôn ngữ không chỉ qua từ vựng, mà còn qua ngữ điệu, cảm xúc và cử chỉ. Theo lý thuyết Input Hypothesis của Krashen (1985), “đầu vào” (Input Hypothesis) ngôn ngữ cần phải ở “mức độ có thể hiểu được” (comprehensible input), nhưng vẫn phải vượt qua một chút so với trình độ hiện tại của người học ($i+1$). Ông cũng chỉ ra rằng “kỹ năng nói có thể được phát triển gián tiếp thông qua việc người học tham gia vào các hoạt động giao tiếp trong các tình

huống như trong phim, từ đó nâng cao khả năng tiếp nhận ngôn ngữ mà không cần phải sản sinh ngôn ngữ ngay lập tức” [1]. Trong bối cảnh này, các trích đoạn phim ảnh không chỉ cung cấp ngôn ngữ giao tiếp thực tế mà còn tạo ra những thử thách vừa đủ để người học mở rộng khả năng ngôn ngữ của mình.

Ví dụ, một trích đoạn phim hội thoại hàng ngày, như gọi món tại nhà hàng, sẽ giúp người học hiểu và vận dụng được các cấu trúc câu đơn giản, ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp thực tế. Nếu trích đoạn phim chứa các yếu tố ngôn ngữ phức tạp hơn, chẳng hạn như ngữ điệu biểu cảm, thành ngữ, hay các cấu trúc ngữ pháp đặc thù, người học có thể không chỉ phát triển kỹ năng suy luận mà còn nâng cao khả năng phân tích và hiểu ngữ cảnh. Việc tiếp xúc với những yếu tố ngôn ngữ này giúp người học cải thiện khả năng nhận diện và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp thực tế, từ đó nâng cao sự linh hoạt và chính xác trong việc ứng dụng ngôn ngữ. Thêm vào đó, sự kết hợp giữa ngữ nghĩa và ngữ cảnh trong các đoạn phim còn giúp người học nắm bắt được các sắc thái ngữ nghĩa và hiểu sâu hơn về văn hóa, tư duy và lối sống của người bản địa.

Theo nghiên cứu của Wilson&Korn (2007), người học có thể ghi nhớ tới 70% nội dung được trình bày trong 10 phút đầu tiên của bài học khi có sự kết hợp của các yếu tố đa phương tiện, bao gồm phim ảnh [2]. Điều này chứng tỏ rằng việc sử dụng trích đoạn phim ảnh trong giảng dạy không chỉ hỗ trợ phát triển kỹ năng nói mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện trí nhớ và sự tự tin trong giao tiếp. Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu Nhật Bản Fukushima (2002) cũng chỉ ra rằng việc sản xuất hoặc chỉnh sửa các trích đoạn phim trong ngôn ngữ đích là một phương pháp giáo dục hiệu quả [3]. Việc học kỹ năng nói qua phim không chỉ giới hạn ở việc xem phim mà còn khuyến khích học sinh tái tạo hoặc sản xuất các đoạn hội thoại mới dựa trên ngữ cảnh trong phim. Phương pháp này không chỉ giúp người học cải thiện kỹ năng nói mà còn nâng cao sự hiểu biết về văn hóa và cách thức giao tiếp của người bản địa.

Tác giả Trung Quốc Song Yanyuan (2014) cũng đề cập đến vấn đề ngôn ngữ khẩu ngữ trong phim, ông cho rằng: “Ngôn ngữ của các nhân vật trong phim cần phải gần gũi với ngôn ngữ hàng ngày, tức mang tính khẩu ngữ. Điều này có nghĩa là ngôn ngữ không nên quá khó hiểu hay phức tạp, khiến khán giả phải tiêu tốn nhiều công sức để “hiểu” lời thoại, gây lãng phí năng lượng và cản trở quá trình tiếp nhận cốt truyện cũng như sự phát triển nhân vật, thậm chí ảnh hưởng đến khả năng cảm thụ hình ảnh của người xem” [4]. Kết quả của các nghiên cứu trước đây cho thấy việc sử dụng trích đoạn phim trong giảng dạy khẩu ngữ tiếng Trung Quốc mang lại nhiều lợi ích. Phim ảnh không chỉ

cung cấp ngữ cảnh giao tiếp thực tế mà còn tạo cơ hội cho người học phát triển ngữ âm, ngữ điệu, và kỹ năng suy luận qua ngữ cảnh. Đồng thời, phim ảnh cũng giúp người học duy trì sự chú ý và cải thiện trí nhớ, từ đó hỗ trợ hiệu quả trong việc phát triển kỹ năng nói và sự tự tin khi giao tiếp.

Tóm lại, sự lựa chọn phương pháp dạy học kỹ năng nói tiếng Trung Quốc qua trích đoạn phim có khả năng tăng hiệu quả học tập hơn. Tuy nhiên, người dạy cần phải lựa chọn những trích đoạn phim phù hợp với trình độ sinh viên và ứng dụng một cách phù hợp trong phương pháp dạy học kỹ năng nói nói riêng và học tiếng Trung Quốc nói chung.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng khảo sát:

Để đánh giá hiệu quả của phương pháp dạy nói tiếng Trung Quốc thông qua đoạn trích phim ảnh, tác giả đã tiến hành khảo sát trên nhóm sinh viên năm thứ hai và thứ ba ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại trường Đại học Sao Đỏ. Đây là nhóm đối tượng chính áp dụng phương pháp này. Tổng cộng có 120 sinh viên tham gia vào quá trình khảo sát và thực nghiệm.

- Công cụ khảo sát:

Tác giả đã sử dụng phiếu khảo sát thiết kế trên Google Forms, bao gồm ba phần:

+ Phần 1: Thông tin cá nhân, gồm họ tên, lớp, giới tính, địa chỉ email.

+ Phần 2: Mức độ hài lòng với phương pháp học kỹ năng nói qua trích đoạn phim ảnh, với 8 câu hỏi về mức độ quan tâm, hiệu quả nội dung, hình thức, chất lượng các trích đoạn phim.

+ Phần 3: Ý kiến đóng góp, gồm ba câu hỏi trắc nghiệm và một câu hỏi mở, nhằm thu thập phản hồi về ưu nhược điểm và đề xuất cải thiện phương pháp dạy học qua trích đoạn phim ảnh.

Ngoài ra, tác giả đã tiến hành một nghiên cứu kéo dài trong 12 tuần, mỗi tuần tổ chức một buổi học, mỗi buổi kéo dài 100 phút (2 tiết học). Các sinh viên được chia thành hai nhóm: Nhóm thực nghiệm gồm 60 sinh viên sử dụng trích đoạn phim làm tài liệu học tập và nhóm đối chứng gồm 60 sinh viên theo phương pháp học truyền thống. Kết quả học tập được đánh giá thông qua bài kiểm tra khẩu ngữ trước và sau thí nghiệm, đồng thời phân tích bằng phần mềm SPSS để đảm bảo độ chính xác và khách quan của nghiên cứu.

2.2. Kết quả thực nghiệm và khảo sát

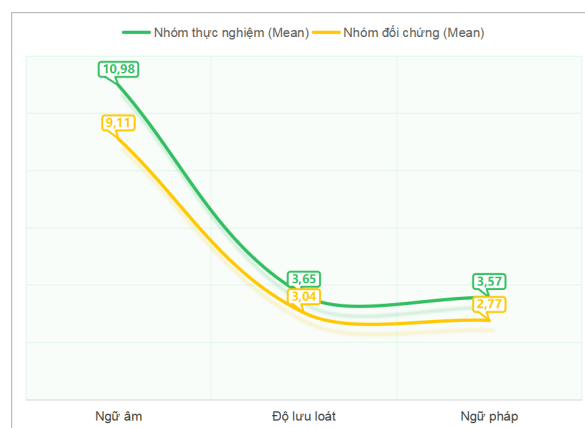
2.2.1. Kết quả thực nghiệm

Sử dụng phần mềm SPSS để phân tích dữ liệu, tác giả đã thực hiện kiểm tra Independent Samples T-Test nhằm so sánh điểm số giữa nhóm thực nghiệm và

nhóm đối sánh qua các tiêu chí ngữ âm, độ lưu loát và ngữ pháp. Kết quả được thể hiện qua bảng số liệu và biểu đồ cụ thể dưới đây.

Bảng 1. Kết quả so sánh điểm số giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối sánh

Tiêu chí	Nhóm thực nghiệm	Nhóm đối chứng	T-Statistic	P-Value (Sig. 2-tailed)
Ngữ âm	10.98	9.11	14.99	2.30×10^{-28}
Độ lưu loát	3.65	3.04	8.90	2.38×10^{-14}
Ngữ pháp	3.57	2.77	11.92	813×10^{-22}



Hình 1. So sánh điểm trung bình giữa nhóm thực nghiệm và đối sánh

- Kết quả phân tích cho thấy:

Về phương diện ngữ âm: Nhóm thực nghiệm đạt 10.98, cao hơn nhóm đối sánh 1.87 điểm (9.11). P-value rất nhỏ (2.30×10^{-28}), chứng tỏ phương pháp học qua phim có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng phát âm. Việc tiếp xúc thường xuyên với âm thanh chuẩn từ phim giúp sinh viên cải thiện phát âm và ngữ điệu tự nhiên. Người dạy có thể sử dụng các đoạn phim có nhân vật nói rõ ràng và tự nhiên, kết hợp với bài tập lặp lại để giúp sinh viên mô phỏng chính xác hơn. Từ đó nâng cao chất lượng phát âm của người học.

Về phương diện độ lưu loát: nhóm thực nghiệm đạt 3.65, cao hơn nhóm đối sánh 0.61 điểm (3.04). P-value (2.38×10^{-14}), cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Học qua trích đoạn phim giúp người học bắt chước nhịp điệu và cách diễn đạt tự nhiên, dẫn đến tăng khả năng nói trôi chảy. Những hội thoại giao tiếp hàng ngày trong trích đoạn phim có thể giúp người học cải thiện độ lưu loát, kết hợp với bài tập phản xạ nhanh như thử tự tạo ra các tình huống tương tự trong thực tế và luyện tập phản xạ ngay lập tức theo các hoạt động nhóm hoặc thậm chí là nói trước gương để cải thiện khả năng ứng biến nhanh chóng trong các tình huống giao tiếp.

Về phương diện ngữ pháp: nhóm thực nghiệm đạt 3.57, cao hơn nhóm đối sánh 0.80 điểm (2.77). P-value

(8.13×10^{-22}), cho thấy việc học qua trích đoạn phim có tác động lớn đến khả năng sử dụng ngữ pháp chính xác. Trích đoạn phim giúp người học học ngữ pháp trong ngữ cảnh thực tế, thay vì học theo kiểu lý thuyết một cách máy móc, dập khuôn. Bài tập dạng nói theo hội thoại trong phim có thể giúp sinh viên cải thiện việc sử dụng ngữ pháp một cách tự nhiên hơn, tiếp cận gần hơn với những cấu trúc ngữ pháp thường xuất hiện trong khẩu ngữ.

Các kết quả thống kê cho thấy phương pháp dạy và học kỹ năng nói qua trích đoạn phim hiệu quả tích cực. Nó không chỉ giúp người học phát âm chính xác hơn mà còn cải thiện độ lưu loát và khả năng sử dụng ngữ pháp trong giao tiếp thực tế. Do đó, cần triển khai rộng rãi mô hình dạy và học qua trích đoạn phim vào giáo dục ngôn ngữ tại các cơ sở giáo dục đại học để giúp người học nâng cao kỹ năng nói một cách tự nhiên và hiệu quả.

2.2.2. Kết quả khảo sát

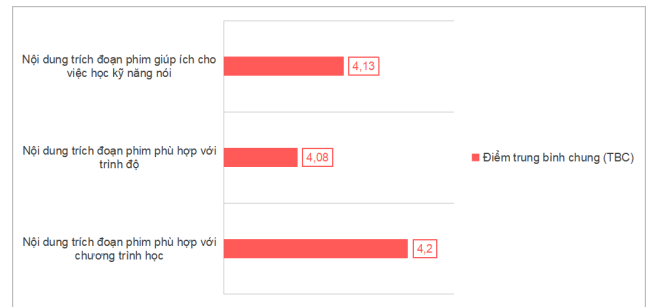
- *Mức độ quan tâm của sinh viên đến việc học nói tiếng Trung Quốc qua trích đoạn phim ảnh:*

Điểm trung bình chung (TBC) của câu hỏi “Tôi rất quan tâm đến việc học kỹ năng nói qua trích đoạn phim ảnh” đạt 4.21 trên thang điểm 5, cho thấy phần lớn sinh viên thể hiện sự quan tâm và hứng thú đối với phương pháp này. Kết quả chỉ ra rằng việc sử dụng trích đoạn phim ảnh là một phương pháp hấp dẫn và phù hợp với nhu cầu học tập của sinh viên hiện nay. Đồng thời, cũng chứng tỏ rằng sinh viên cảm thấy việc ứng dụng phim ảnh trong giảng dạy khẩu ngữ có tính khả thi cao, giúp sinh viên tiếp cận tiếng Trung Quốc trong môi trường giao tiếp tự nhiên.

- *Tần suất học nói tiếng trung Quốc qua trích đoạn phim ảnh:*

Mặc dù sinh viên bày tỏ sự quan tâm cao đến phương pháp này, nhưng điểm TBC của câu hỏi “Tôi thường xuyên học kỹ năng nói qua trích đoạn phim” chỉ đạt 3.7, thấp hơn mức độ quan tâm. Điều này chứng tỏ rằng dù học qua trích đoạn phim có tiềm năng, nhưng chưa được phổ biến rộng rãi hoặc chưa được tích hợp chặt chẽ trong kế hoạch học tập của sinh viên. Qua khảo sát, tác giả nhận thấy người dạy cần tăng cường quảng bá, giới thiệu rõ hơn về lợi ích của việc học qua trích đoạn phim, cũng như cung cấp những tư liệu cụ thể để sinh viên có thể tự lựa chọn nội dung luyện tập phù hợp. Đồng thời, cần xây dựng các hoạt động, bài tập thực hành, hướng dẫn tự học có hệ thống nhằm thúc đẩy sinh viên tự giác luyện tập. Từ đó nâng cao năng lực tự học cho sinh viên.

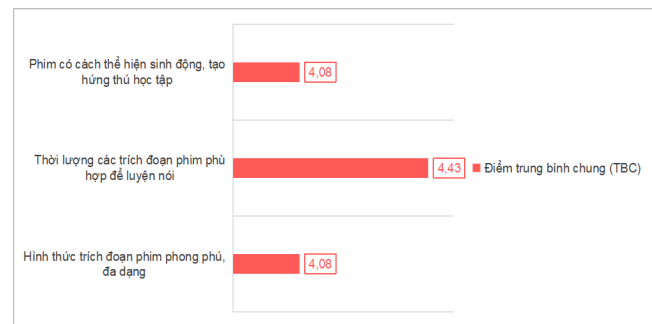
- *Nội dung các trích đoạn phim ảnh trong học kỹ năng nói:*



Hình 2. Độ phù hợp của trích đoạn phim ảnh

Kết quả trên cho thấy sinh viên đánh giá cao sự phù hợp của các trích đoạn phim với chương trình học. Nội dung các đoạn phim có sự liên kết với tài liệu đang học, giúp sinh viên dễ dàng kết hợp lý thuyết với thực tế, từ đó nâng cao hiệu quả học tập và thực hành khẩu ngữ.

- *Hình thức trình bày của các trích đoạn phim ảnh trong giảng dạy kỹ năng nói:*

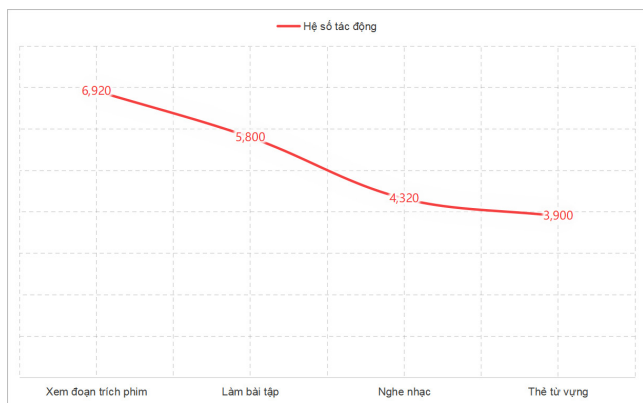


Hình 3. Chất lượng của trích đoạn phim ảnh

Sinh viên đánh giá cao hình thức trình bày của các trích đoạn phim, đặc biệt là thời lượng phim (4.43 điểm), cho thấy rằng các đoạn phim ngắn gọn, súc tích giúp người học dễ dàng tiếp thu kiến thức. Độ dài phù hợp của các trích đoạn phim còn tạo điều kiện để sinh viên có thể tập trung, lắng nghe và ghi nhớ nội dung một cách hiệu quả hơn. Ngoài ra, tác giả đã kết hợp các phương pháp luyện tập đa dạng như lồng ghép hội thoại, nghe - nhắc lại, diễn xuất theo trích đoạn, giúp sinh viên không bị nhàm chán khi học học phần Nói trên lớp.

2.3. So sánh với các phương pháp cải thiện kỹ năng nói khác

Để đánh giá hiệu quả của phương pháp sử dụng trích đoạn phim trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung Quốc, nghiên cứu đã tiến hành so sánh với các phương pháp học tập khác như làm bài tập truyền thống, nghe nhạc, sử dụng thẻ từ vựng. Kết quả so sánh dựa trên hệ số tác động và mức độ đánh giá từ sinh viên, thể hiện qua Hình 4 dưới đây:



Hình 4. Hệ số tác động của các phương pháp dạy học nói tiếng Trung Quốc

Biểu đồ trên cho thấy mức độ hiệu quả của các phương pháp cải thiện kỹ năng nói tiếng Trung Quốc. Những hệ số tác động được đo lường qua phản hồi của sinh viên và các kết quả thu được từ hoạt động thực nghiệm.

Thông qua chỉ số trên biểu đồ, hoạt động xem trích đoạn phim ảnh (6,920): Đây là phương pháp hiệu quả nhất trong việc cải thiện giao tiếp và sự tự nhiên trong phát âm. Ngoài ra, học qua trích đoạn phim còn giúp người học tăng khả năng bắt chước ngữ điệu và tăng vốn từ vựng một cách tự nhiên. Bên cạnh đó, hình thức này còn giúp rèn luyện khả năng phân tích, hiểu nội dung phim, đồng thời phát huy tính sáng tạo và tự tin của sinh viên trong quá trình thể hiện và biểu đạt suy nghĩ. Sử dụng trích đoạn phim với các phương pháp luyện tập đa dạng còn tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện cá tính, cảm xúc qua các vai diễn, tránh cảm giác nhàm chán hay bị động trong quá trình học.

Làm bài tập (5,800): Phương pháp này mang tính học thuật cao và hỗ trợ củng cố ngữ pháp, nhưng lại thiếu tính thực tiễn trong các tình huống giao tiếp thực tế. Điều này giải thích vì sao phương pháp này không hiệu quả bằng phương pháp xem trích đoạn phim.

Nghe nhạc (4,320): Học qua nhạc giúp sinh viên cải thiện khả năng nghe và ghi nhớ từ vựng, tuy nhiên nghe nhạc không cung cấp các cấu trúc hội thoại rõ ràng và phù hợp nên khả năng giao tiếp không được cải thiện đáng kể.

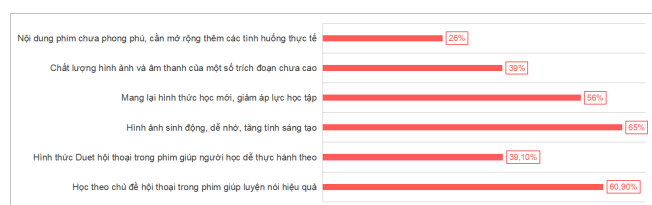
Thế từ vựng (3,900): Phương pháp này có hiệu quả tốt trong việc học từ vựng, nhưng thiếu ngữ cảnh giao tiếp cụ thể nên không hỗ trợ nhiều trong việc phát triển kỹ năng nói.

Nhìn chung, hệ số tác động trên cho thấy phương pháp dạy và học qua trích đoạn phim vượt trội hơn hẳn trong việc nâng cao kỹ năng giao tiếp và sự tự tin trong sử dụng ngôn ngữ, đồng thời giúp người học tiếp cận văn hóa đích dễ dàng hơn, sâu sắc hơn. Sự hiệu quả của phương pháp này xuất phát từ việc kết hợp giữa

giải trí và học tập, giúp người học tiếp cận ngôn ngữ một cách tự nhiên và thú vị. Trong khi đó, các phương pháp khác như làm bài tập, nghe nhạc hoặc sử dụng thẻ từ vựng chỉ mang lại hiệu quả một phần, chủ yếu tập trung vào việc ghi nhớ lý thuyết hơn là phát triển kỹ năng thực hành giao tiếp thực tế.

2.4. Ưu nhược điểm của phương pháp học nói qua trích đoạn phim ảnh

Các đoạn hội thoại trong phim thường là các tình huống thực tế, giúp người xem hiểu rõ cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc câu và các biểu hiện cảm xúc đi kèm. Nhờ đó, người học học theo phương pháp này dễ dàng nhớ và áp dụng vào giao tiếp. Tuy nhiên, để tăng tính khách quan của phương pháp này, tác giả tiến hành khảo sát những sinh viên tham gia hoạt động thực nghiệm, từ đó đưa ra những kiến nghị cụ thể. Kết quả được thể hiện qua Hình 5 dưới đây.



Hình 5. Ưu nhược điểm của phương pháp dạy học nói sử dụng trích đoạn phim

- Ưu điểm:

Tác giả đã thu thập phản hồi về những lợi ích của phương pháp này, với kết quả được trình bày qua biểu đồ trên. Những con số này khẳng định rằng phương pháp học qua trích đoạn phim không chỉ giúp sinh viên cải thiện kỹ năng giao tiếp mà còn tạo hứng thú, giảm căng thẳng và giúp việc học trở nên thú vị hơn.

- Nhược điểm:

Mặc dù nhận được nhiều phản hồi tích cực, phương pháp này vẫn có một số hạn chế. Đây là phương pháp đòi hỏi sự tự chủ cao của người học, dẫn đến khả năng chênh lệch về tiến độ, kỹ năng và động lực giữa các sinh viên. Ngoài ra, do giới hạn thời lượng của một trích đoạn phim ngắn, có những nội dung chưa được truyền tải đầy đủ.

Dựa trên kết quả khảo sát, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của phương pháp dạy nói qua việc sử dụng trích đoạn phim, như: Mở rộng phạm vi nội dung, cải thiện chất lượng hình ảnh và âm thanh, tăng cường công tác quảng bá và giới thiệu phương pháp này cho sinh viên, thiết kế các hoạt động thực hành đa dạng,...

3. KẾT LUẬN

Việc tích hợp trích đoạn phim vào quá trình giảng dạy kỹ năng nói đối với sinh viên học ngoại ngữ tại các

cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Sao Đỏ đã mang lại lợi ích thiết thực trong việc cải thiện và nâng cao khả năng giao tiếp, phát âm, ngữ pháp cũng như hiểu biết văn hóa, khả năng xử lý ngữ cảnh trong giao tiếp. Dựa trên dữ liệu khảo sát và phân tích thí nghiệm, hiệu quả giao tiếp chiếm 85%, sinh viên tham gia nhóm thực nghiệm cảm thấy tự tin hơn khi giao tiếp sau 12 tuần học qua trích đoạn phim.

Bên cạnh đó, kỹ năng phát âm và ngữ pháp cũng được cải thiện đáng kể. Điểm phát âm của nhóm thực nghiệm tăng trung bình 1.8 điểm, trong khi ngữ pháp cũng có sự cải thiện rõ rệt với mức tăng 0.9 điểm so với nhóm đối sánh. Ngoài ra, phương pháp còn tăng cường động lực học tập cho sinh viên. 78% sinh viên đánh giá rằng việc học qua phim làm tăng hứng thú và sự tham gia trong các giờ học, nhờ nội dung gần gũi với đời sống thực tế.

Những kết quả này chứng minh rằng phương pháp sử dụng trích đoạn phim có tính hiệu quả cao. Cho nên, đối với giảng viên và sinh viên, để cải thiện kỹ năng nói tiếng Trung Quốc cần lựa chọn những trích đoạn phim phù hợp, kết hợp với những phương pháp luyện tập đa dạng, như lồng ghép hội thoại tự nhiên trong phim, nghe - nhắc lại, diễn xuất theo trích đoạn, phân đoạn và dịch thoại, hội thoại mô phỏng, quay video phản hồi và chỉnh sửa phát âm... Ưu tiên các đoạn trích phim ngắn có thời lượng khoảng 3-5 phút, có ngôn ngữ chuẩn và

nội dung phù hợp với trình độ sinh viên, từ sơ cấp đến nâng cao đồng thời có liên quan đến các chủ đề học tập. Điều này góp phần xây dựng môi trường học tập thông minh, phù hợp với các xu hướng giáo dục hiện đại và thúc đẩy sự chủ động, sáng tạo của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Krashen, S (1985), *The Input Hypothesis: Issues and Implications*, New York, Longman, pp. 81-82.
- [2]. Karen Wilson and James H. Korn (2007), *Attention During Lectures: Beyond Ten Minutes*, *Teaching of Psychology*, 34 (2), pp. 85-89.
- [3]. Tatsuya Fukushima (2002), *Promotional Video Production in a Foreign Language Course*, *Foreign Language Annals*, 35 (3), pp. 349-356.
- [4]. 宋延媛 (2015), 电视剧在对外汉语口语教学中的应用, *教学实践*, 21 (689), pp.192-193.
- [5]. Kavanagh, B (2006), *The Input Hypothesis (Krashen), An Evaluation of its Contributions to our Understanding of Second language Acquisition Phenomena*, *青森保健大雑誌*, 7 (2), pp. 241-248.
- [6]. Lâm Bình Ân (2022), *Phân tích ảnh hưởng của phim ảnh đến sinh viên học tiếng Trung-Dựa trên khảo sát sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành*, *Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến*, 8 (4), pp.143-150.

AUTHOR INFORMATION

Pham Thi Hong Trang

Corresponding Author: phamhongtrang1990sp@gmail.com

Sao Do University.

THỂ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 2 (89)
2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.